

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HC-PT

Ngày 09/01/2024

*“Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 741/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15078/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: 1 N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị Đ trình bày:*

Vào giữa năm 1991, do ông L lập gia đình và có nhu cầu ra ở riêng nên bố ông là ông Nguyễn Văn N1 có mua đất ở của Ủy ban nhân dân (UBND) xã H (nay là UBND xã Y), huyện H, tỉnh Thanh Hóa giao cho một thửa đất ở và có thu tiền sử dụng đất, gia đình ông đã nộp số tiền sử dụng đất vào thời điểm năm 1991 là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), từ đó UBND xã đã đo đạc và cấp cho bố ông thửa đất có diện tích 343,2 m². Sau khi mua thửa đất này của UBND xã, bố ông đã cho vợ chồng ông thửa đất này và vợ chồng ông cũng đã làm nhà, các công trình sinh hoạt khác và sinh sống trên đất đó từ năm 1991 đến nay. Đến năm 2019, ông L bà Đ đã làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất và đã được UBND huyện H giấy CNQSD đất ngày 16/8/2019, tuy nhiên chỉ cấp 232 m², đối với phần diện tích còn lại thì được cán bộ UBND huyện H giải thích là nằm trong hành lang an toàn giao thông và hành lang lưới điện nên sẽ xem xét và cấp Giấy CNQSD đất bổ sung sau. Đến nay, qua kiểm tra lại thì vợ chồng ông L bà Đ biết theo quy định của pháp luật thì vợ chồng ông sẽ được cấp Giấy CNQSD đất cho toàn bộ diện tích 343,2 m². Đồng thời, qua kiểm tra Giấy CNQSD đất, ông L bà Đ phát hiện Giấy CNQSD đất mà chính quyền địa phương đã cấp cho vợ chồng ông vừa thiếu về diện tích (232 m²/343,2 m²), vừa sai về mục đích sử dụng (toàn bộ diện tích đất của gia đình ông là đất thổ cư, đất ở nông thôn nhưng trên Giấy CNQSD đất chỉ ghi có 150 m² đất ở, còn lại là đất vườn).

Vì lý do nêu trên nên vợ chồng ông đã làm hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy CNQSD đất, đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đủ và cấp đúng diện tích sử dụng thực tế cho gia đình ông. Ngày 14/6/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã có Công văn trả lời số 253/CV-CNVPĐKĐĐ trả lời về việc không cấp đổi Giấy CNQSD đất cho gia đình ông. Ngày 20/7/2021 ông L bà Đ đã làm đơn khiếu nại gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T khiếu nại về việc không được cấp đổi Giấy CNQSD đất.

Qua quá trình xác minh, giải quyết vụ việc khiếu nại của ông L, đến ngày 07/9/2021 ông có nhận được Công văn số 826/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN đề ngày 06/9/2021 của Văn phòng Đ trả lời cho vợ chồng ông về nội dung khiếu nại. Theo những nội dung thể hiện trong Công văn số 826, ông đồng ý và thống nhất

với nội dung được thể hiện tại mục 2, theo đó do Giấy CNQSD đất được cấp thiếu diện tích nên gia đình ông sẽ thực hiện thủ tục đề nghị UBND huyện H và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp bổ sung đối với phần diện tích bị thiếu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và điểm 4 khoản 7 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T2.

Tuy nhiên, ông không thống nhất với nội dung được thể hiện tại mục 1 của Công văn số 826 về việc không cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông khi phần diện tích đất này nằm trong hành lang an toàn giao thông và hành lang lưới điện (lấy căn cứ là Thông báo số 82/UBND ngày 25/8/1998 của UBND huyện H về hành lang bảo vệ giao thông).

Bởi lẽ Thông báo số 82/UBND ngày 25/8/1998 của UBND huyện H về hành lang bảo vệ giao thông không phải là Văn bản pháp luật, không phải là căn cứ để cấp Giấy CNQSD đất cho người sử dụng đất. Đối với việc cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích đất nằm trên hành lang an toàn giao thông và hành lang lưới điện được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Cụ thể, nội dung này được quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Đất đai 2013 và khoản 4 Điều 56 Nghị định 43/2014 hướng dẫn thi hành luật đất đai. Theo đó, diện tích đất còn lại này gia đình ông đủ điều kiện được cấp Giấy CNQSD đất (đã mua của chính quyền địa phương; đã nộp tiền sử dụng đất; sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương...).

Thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, vợ chồng ông đã làm thủ tục đề cấp Giấy CNQSD đất bổ sung đối với diện tích đất còn thiếu (112,2 m²). Tuy nhiên, sau một thời gian dài đến ngày 15/10/2021 vợ chồng ông nhận được Văn bản số 2836/UBND-TTr của UBND huyện H với nội dung trả lời là gia đình ông không được cấp Giấy CNQSD đất bổ sung đối với diện tích đất còn thiếu như đã nêu trên và yêu cầu vợ chồng ông khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nếu vợ chồng ông không đồng ý với việc cấp Giấy CNQSD đất năm 2019.

Đây là hành vi, là việc làm cố tình đánh bừa sang ao, bởi lẽ vợ chồng ông không khiếu nại hay có ý kiến về việc cấp Giấy CNQSD đất năm 2019. Yêu cầu của vợ chồng ông hiện nay là đề nghị cấp Giấy CNQSD đất bổ sung đối với diện tích đất còn thiếu (112,2 m²), yêu cầu này là có căn cứ và là việc mà UBND huyện H phải thực hiện, pháp luật về đất đai cũng đã quy định rõ về nội dung này như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, UBND huyện H không làm, cố tình trốn tránh

trách nhiệm mà còn lừa dân, có mục đích và ý đồ không tốt khi khuyên vợ chồng ông khởi kiện việc cấp giấy CNQSD đất năm 2019. Vì các lẽ trên, ông L và bà Đ khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Buộc UBND huyện H hồi Văn bản số 2836/UBND-TTr ngày 15/10/2021 vi trái pháp luật; Buộc UBND huyện H phải thực hiện cấp Giấy CNQSD đất bổ sung đối với diện tích đất còn thiếu (112,2 m²) theo đúng quy định của pháp luật.

** Theo Văn bản số 3540/UBND-TTr ngày 14/12/2022 của UBND huyện H ý kiến về việc khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị Đ thể hiện:*

1. Việc cấp giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Tiến L:

Năm 2019, ông Nguyễn Tiến L được UBND huyện H Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 003873, tại thửa đất số 83+408, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã H (cũ) đo đạc năm 2013, diện tích 232,0 m², trong đó: Đất ONT: 150,0 m²; Đất CLN: 82,0 m². Về trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 003873 là đúng quy định pháp luật đất đai hiện hành.

Tuy nhiên, đến năm 2021 ông Nguyễn Tiến L có đơn đến UBND huyện không đồng ý với diện tích đã cấp tại Giấy CNQSD đất năm 2019, đề nghị UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích 111,2 m² hộ đang sử dụng (diện tích lưu không đường 508).

2. Về nguồn gốc sử dụng đất hộ ông Nguyễn Tiến L:

- Ông Nguyễn Văn N1 (bố đẻ ông Nguyễn Tiến L) được UBND xã H cũ (nay là xã Y) giao đất trái thẩm quyền năm 1991 tại khu vực thôn P. Nội dung phiếu thu ghi thu tiền đất ở, cạnh đường A ở núi P, không ghi rõ diện tích đất được UBND xã giao, số tiền thu là 400.000 đồng. Theo hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ: Diện tích đất ông Nguyễn Tiến L sử dụng không thể hiện, đo vẽ trên bản đồ. Tại tờ bản đồ số 3, thể hiện đường vòng 13.

- Theo hồ sơ địa chính năm 1997 xã H cũ: Thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 5, diện tích 336 m² (trong đó đất ONT 101 m², đất cây lâu năm 235 m²), chủ sử dụng: Nguyễn Văn L1.

- Theo hồ sơ địa chính năm 2013 xã H cũ: Thuộc thửa số 83, tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 343,3 m², loại đất ONT, theo sổ mục kê chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Tiến L.

- Theo trích lục bản đồ địa chính số 144/TLBĐ/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H: Diện tích 343,3 m², thửa đất có 233,4 m² nằm trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông theo Thông báo số 95/TB-UBND ngày 07/8/2018 của UBND huyện H.

3. Việc xác định hành lang an toàn giao thông:

Theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định: “Hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ đối với đường tỉnh từ mép chân mái đường đắp và mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, cụ thể hệ thống đường tỉnh là 10 m”.

- Theo hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ: Tại tờ bản đồ số 3 đã thể hiện đường vòng 13 (nay là đường T).

- Thông báo số 82/UBHT ngày 25/02/1998 của UBND huyện H về hành lang bảo vệ đường giao thông trên địa bàn huyện H thể hiện: đường tỉnh lộ 13 đi N từ tim đường ra mỗi bên 13 m (đã có mốc chỉ giới).

- Thông báo số 27/TB-UBND ngày 27/5/2011 của UBND huyện về hành lang bảo vệ đường giao thông trên địa bàn huyện H, đối với đường tỉnh lộ 508 (đường 13 cũ): Hành lang an toàn giao thông tính từ chân đường ra mỗi bên là 10 m.

- Thông báo số 69/TB-UBND ngày 29/11/2016 và Thông báo số 95/TB-UBND ngày 07/8/2018 của UBND huyện về chỉ giới hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn huyện H, đối với đường tỉnh lộ 508: Đoạn qua các xã chỉ giới hành lang an toàn đường bộ tính từ tim đường ra mỗi bên trung bình là 23 m.

Như vậy, hộ ông Nguyễn Tiến L được giao đất năm 1991, thời điểm được giao đất có sau khi có tuyến đường tỉnh lộ 13 đi Nga S. Căn cứ theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng thì đối với đường tỉnh lộ có hành lang bảo vệ công trình giao thông theo quy định.

4. Xác định diện tích cấp giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Tiến L:

Trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Tiến L, nội dung Biên bản thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất ngày 21/6/2018 của Hội đồng tư vấn giao đất xã H (cũ) đã xác định: Hiện trạng hộ ông Nguyễn Tiến L đang sử dụng với diện tích 343,2 m², trong đó đất lưu không đường 508 với diện tích là 111,2 m² (Hành lang đường 508 tính từ tim đường ra mỗi bên là 13 m).

Căn cứ Khoản 2, Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đã được giao không đúng thẩm quyền quy định: “Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này”.

Như vậy, điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp giao trái thẩm quyền trước ngày 15/10/1993 phải đảm bảo: Không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch.

- Việc xác định chỉ giới hành lang đường tỉnh lộ 508: Tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Tiến L năm 2019, để đảm bảo quyền lợi cho công dân, UBND huyện đã xác định chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 508 dựa trên những cơ sở sau: Theo hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ: Tại tờ bản đồ số 3 đã thể hiện đường vòng 13 (nay là đường tỉnh lộ 508), xác định mặt đường rộng khoảng từ 5-6 m và căn cứ theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng tương ứng từ tim đường ra mỗi bên là 13 m.

- Việc xác định hạn mức đất ở: Theo quy định tại điểm b Điều 4 Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh T quy định hạn mức giao đất ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Quy định về hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở tại nông thôn (theo khoản 2 Điều 143 Luật Đất đai 2013) đối với địa bàn xã đồng bằng thuộc huyện “Tối đa 150 m²/hộ đối với các vị trí ven đường giao thông, khu vực trung tâm xã, cụm xã T cho hoạt động thương mại, dịch vụ, sinh hoạt”.

Như vậy, UBND huyện H giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Tiến L với diện tích 232,0 m² trong đó: Đất ONT: 150,0 m² theo hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đất CLN: 82,0 m²; đã trừ hành lang an toàn giao thông không cấp giấy CNQSD đất với diện tích 111,2 m², xác định hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 508 từ tim đường ra mỗi bên 13 m theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, được cụ thể hóa tại Thông báo số 82/UBHT ngày 25/02/1998 của UBND huyện H.

** Theo Văn bản số 36/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND xã Y, huyện H về việc trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị Đ thể hiện:*

Năm 2019, ông Nguyễn Tiến L được UBND huyện H Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 003873, tại thửa đất số 83+408, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã H (cũ) đo đạc năm 2013, diện

tích 232,0 m², trong đó: Đất ONT: 150,0 m²; Đất CLN: 82,0 m². Về trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 003873 là đúng quy định pháp luật đất đai hiện hành.

Tuy nhiên, đến năm 2021 ông Nguyễn Tiến L có đơn đến UBND huyện không đồng ý với diện tích đã cấp tại Giấy CNQSD đất năm 2019, đề nghị UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích 111,2 m² hộ đang sử dụng (diện tích lưu không đường 508).

2. Về nguồn gốc sử dụng đất hộ ông Nguyễn Tiến L:

- Ông Nguyễn Văn N1 (bố đẻ ông Nguyễn Tiến L) được UBND xã H cũ (nay là xã Y) giao đất trái thẩm quyền năm 1991 tại khu vực thôn P. Nội dung phiếu thu ghi thu tiền đất ở, cạnh đường A ở núi P, không ghi rõ diện tích đất được UBND xã giao, số tiền thu là 400.000 đồng. Theo hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ: Diện tích đất ông Nguyễn Tiến L sử dụng không thể hiện, đo vẽ trên bản đồ. Tại tờ bản đồ số 3, thể hiện đường vòng 13.

- Theo hồ sơ địa chính năm 1997 xã H cũ: Thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 5, diện tích 336 m² (trong đó đất ONT 101 m², đất cây lâu năm 235 m²), chủ sử dụng: Nguyễn Văn L1.

- Theo hồ sơ địa chính năm 2013 xã H cũ: Thuộc thửa số 83, tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 343,3 m², loại đất ONT, theo sổ mục kê chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Tiến L.

- Theo trích lục bản đồ địa chính số 144/TLBĐ/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H: Diện tích 343,3 m², thửa đất có 233,4 m² nằm trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông theo Thông báo số 95/TB-UBND ngày 07/8/2018 của UBND huyện H. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thể hiện:*

- Tổng diện tích đất ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị Đ đang sử dụng là: 480,7 m².

- Tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường 508: KT (5,97 + 0,1 + 8,38) m;

+ Phía Tây giáp đất của hộ bà Phạm Thị M: KT (11,01 + 10,34 + 5,13 + 13,03) m;

+ Phía Bắc giáp đất trồng cây lâu năm do UBND xã quản lý: KT 10,57 m;

+ Phía Đông giáp đất của hộ ông Lưu Văn K: KT (5,15 + 21,67 + 11,78)

m.

- Tài sản trên đất bao gồm:
 - + 01 nhà bê tông cốt thép, mái bằng, lợp proximang, diện tích 44,7 m², nhà xây dựng năm 2005;
 - + 01 nhà ngang xây gạch, lợp ngói đỏ, diện tích 20,6 m², xây dựng năm 1994;
 - + Nhà vệ sinh và nhà bếp xây bằng gạch, diện tích 12,9 m², xây dựng năm 1991.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa áp dụng khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 100 Luật đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 mục III danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ về yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân huyện H văn bản số 2836/UBND-TTr ngày 15/10/2021 vi trái pháp luật; Buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung đối với diện tích đất còn thiếu (111,2 m²) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo với cùng nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm vì Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét công tâm, không khách quan, không đánh giá đầy đủ các tình tiết, nội dung và chứng cứ của vụ án; việc áp dụng, vận dụng các quy định của pháp luật không đúng khi giải quyết vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện, đề nghị trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tài liệu trong hồ sơ có quan điểm thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo. Đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 của ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ đề nghị Tòa án: Buộc UBND huyện H văn bản số 2836/UBND-TTr ngày 15/10/2021 vi trái pháp luật; Buộc UBND huyện H phải thực hiện cấp Giấy CNQSD đất bổ sung đối với diện tích đất còn thiếu (111,2 m²) theo đúng quy định của pháp luật. Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất của ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ: Năm 1991, ông Nguyễn Văn N1 là bố đẻ ông L có mua của UBND xã H, nay là xã Y (bán trái thẩm quyền năm 1991) tại khu vực thôn P. Nội dung phiếu thu ghi thu tiền đất ở, cạnh đường A ở núi P, không ghi rõ diện tích đất được UBND xã bán, số tiền thu là 400.000 đồng. Theo hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ: Diện tích đất ông Nguyễn Tiến L sử dụng không thể hiện, đo vẽ trên bản đồ. Tại tờ bản đồ số 3, thể hiện đường vòng 13.

Theo hồ sơ quản lý đất đai địa phương qua các thời kỳ, diện tích đất thể hiện:

- Hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ: Diện tích đất ông Nguyễn Tiến

L sử dụng không thể hiện, đo vẽ trên bản đồ. Tại tờ bản đồ số 3, thể hiện đường vòng 13. Vì đến năm 1991, Ủy ban nhân dân xã H mới bán đất cho ông N1.

- Theo hồ sơ địa chính năm 1997 xã H cũ: Thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 5, diện tích 336 m² (trong đó đất ở nông thôn 101 m², đất cây lâu năm 235 m²), chủ sử dụng: Nguyễn Văn L1.

- Theo hồ sơ địa chính năm 2013 xã H cũ: Thuộc thửa số 83, tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 343,3 m², loại đất ONT, theo sổ mục kê chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Tiến L.

- Theo trích lục bản đồ địa chính số 144/TLBĐ/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H: Diện tích 343,3 m², thửa đất có 233,4 m² nằm trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông theo Thông báo số 95/TB-UBND ngày 07/8/2018 của UBND huyện H.

[2.2] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện H cho ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ:

Năm 1991, UBND xã H giao đất trái thẩm quyền cho ông Nguyễn Văn N1 là bố đẻ ông Nguyễn Tiến L, sau đó ông N1 cho ông L, ông L sử dụng từ đó đến nay, ổn định và không có tranh chấp. Năm 2018, Hội đồng tư vấn giao đất xã H xác định hiện trạng hộ ông Nguyễn Tiến L đang sử dụng diện tích đất 343,2 m², trong đó đất lưu không hành lang giao thông 111,2 m².

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: *“Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch thì người đang sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Do đó việc UBND huyện H GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ là có căn cứ.

[2.3] Việc xác định chỉ giới hành lang đường tỉnh lộ 508:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: *“Hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ đối với đường tỉnh tính từ mép chân mái đường đắp và mép đỉnh mái đường hoặc từ mép đỉnh rãnh trở ra hai bên, cụ thể đường tỉnh là 10 m”*. Hồ sơ địa chính 299 năm 1985 xã H cũ, tại tờ bản đồ số 3 thể hiện đường A, nay là tỉnh lộ 508, xác định mặt đường rộng 5-6 m. Tại các thông báo của UBND huyện H: Thông báo số 82 năm 1998, hành lang đường tỉnh lộ 508 từ tim đường là 13 m; Thông báo số 27 ngày 27/5/2011, hành lang đường tỉnh lộ 508 từ chân đường là 10 m; Thông báo số 69 ngày 29/11/2016; thông báo số 95 ngày 07/8/2018 đều có nội dung hành lang đường tỉnh lộ 508 từ tim đường vào từ 13 m trở lên. Hiện

nay, ông L đang sử dụng 111,2 m² đất phía trước nhà tiếp giáp với đường tỉnh lộ 508. Thời điểm năm 1991, khi UBND xã H giao đất cho ông N1 đã có đường tỉnh lộ 508 (đường A cũ). Do đó, có căn cứ xác định 111,2 m² đất phía trước nhà ông L, bà Đ tiếp giáp với đường tỉnh lộ 508 là đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 508.

[2.4] Về xác định hạn mức đất ở:

Diện tích đất hộ ông Nguyễn Tiến L đang sử dụng có các công trình: nhà mái bằng bê tông cốt thép xây dựng năm 2005, diện tích 44,7 m²; 01 nhà xây gạch lợp ngói đỏ xây năm 1994 diện tích 20,6 m², và nhà vệ sinh, bếp diện tích 12,9 m². Thực tế, diện tích thửa đất ông L đang sử dụng có diện tích 480,7 m². Trong đó có diện tích nhà ở nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP: *“Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức công nhận đất ở”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật đất đai, điểm b Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh T: *“Đối với địa bàn xã đồng bằng thuộc huyện tối đa 150 m²/hộ đối với vị trí ven đường giao thông...”*.

[3] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định UBND huyện H Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 003873, tại thửa đất số 83+408, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã H (cũ) đo đạc năm 2013, diện tích 232,0 m², trong đó: Đất ONT: 150,0 m²; Đất CLN: 82,0 m², về trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSD đất, hạn mức đất ở là đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án hành

chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

2. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006633 ngày 05/09/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh